

Số: /BC-SNNPTNT-CNTY

Quảng Ngãi, ngày tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả 5 năm thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh

1. Công tác triển khai:

Thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, giai đoạn 2015-2020, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu cho UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020;

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, vật tư chăn nuôi; cơ sở cung cấp liệu tinh con giống và vật tư phối giống nhân tạo cho trâu, bò đảm bảo chất lượng;

- Ban hành Quyết định số 51/QĐ-SNNPTNT ngày 09/02/2017 “Về việc ban hành Hướng dẫn đánh giá chất lượng và tuyển chọn trâu, bò đực giống trong sản xuất” và hướng dẫn đánh giá chất lượng và tuyển chọn trâu, bò đực giống trong sản xuất để UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ triển khai thực hiện.

2. Kết quả thực hiện (Số liệu chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

2.1. Hỗ trợ phối giống nhân tạo cho trâu, bò, heo:

- Số liệu tinh trâu hỗ trợ: 250 liều/ (2 huyện 7 xã).
- Số liệu tinh bò hỗ trợ: 22.830 liều/ (7 huyện 49 xã).
- Số liệu tinh heo hỗ trợ: 0 liều

- Đơn vị cung ứng, loại tinh, nơi sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng: Hầu hết các địa phương sử dụng tinh trâu, bò phối giống nhân tạo từ các cơ sở cung ứng được UBND tỉnh chỉ định và công bố.

2.2. Hỗ trợ mua bình chứa nitor lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc:

- Tổng số bình chứa nitor được hỗ trợ: 77 bình/(11 huyện 55 xã).
- Các loại dụng cụ vật tư khác: Nitor lỏng: 12.103 lít; Găng tay, dẫn tinh quản: 20.271 bộ.

2.3. Hỗ trợ con giống

- Hỗ trợ trâu đực giống: số lượng 32 con/ (7 huyện 19 xã).
- Hỗ trợ bò đực giống: số lượng 196 con/ (9 huyện 49 xã).

- Hỗ trợ lợn đực giống: số lượng 12 con/ (5 huyện 7 xã)

Trâu, bò, lợn đực giống hầu hết được người dân tự lựa chọn mua giống từ các đơn vị cung cấp hoặc lựa chọn mua trong dân. Các đơn vị cung ứng tự công bố tiêu chuẩn chất lượng, con giống được tuyển chọn mua trong dân do đơn vị cung ứng và UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện.

- Hỗ trợ gà, vịt giống bố mẹ hậu bị: số lượng 111.852 con/ (9 huyện 74 xã).

2.4. Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi

- Số lượng hầm Biogas: 2.675 hầm/(12 huyện 132 xã).
- Số lượng cơ sở được hỗ trợ công trình sinh học (đệm lót sinh học): 145 công trình/(7 huyện 36 xã).

2.5. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn

- Số lượng người được đào tạo thụ tinh nhân tạo (*có giấy chứng nhận đã qua lớp đào tạo*): 116 người/ (9 huyện 63 xã).
- Đơn vị đào tạo, tập huấn: Đơn vị tập huấn có đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc được Cục chăn nuôi chỉ định cho phép đào tạo.

3. Kinh phí hỗ trợ

- Trong 05 năm giai đoạn 2015-2020 tổng kinh phí hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ là 28.857.500.000 đồng. Kinh phí các địa phương đã thực hiện: 28.107.235.000 đồng.

- Ngoài ngân sách tỉnh hỗ trợ thì một số địa phương có phân bổ ngân sách từ nguồn kinh phí của huyện (huyện Tư Nghĩa): 59.000.000 đồng;

- Kinh phí do người dân đóng góp (Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng): 19.825.580.000 đồng

(Cụ thể có phụ lục 2 đính kèm)

- Quá trình thực hiện giám sát, hướng dẫn thực hiện hỗ trợ:
 - + UBND các huyện, thị xã, thành phố giao nhiệm vụ cho Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế hướng dẫn thực hiện hỗ trợ.
 - + Hàng năm vào quý II phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế tham mưu cho UBND các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch xác định nhu cầu về số lượng và kinh phí cần hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp nhu cầu. Trong quá trình thực hiện thì có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc và cuối năm tổng hợp báo cáo kết quả hỗ trợ triển khai chính sách trên địa bàn.
 - + UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thông báo niêm yết công khai chính sách hỗ trợ. Tiếp nhận đơn đăng ký của các hộ chăn nuôi, tổ chức thực hiện hỗ trợ và chịu trách nhiệm thanh quyết toán và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

+ Trong quý I hàng năm, Sở có văn bản gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố đăng ký nhu cầu về số lượng, hạng mục, kinh phí hỗ trợ cho năm sau và gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp và phối hợp với Sở Tài chính xem xét thẩm tra, trình UBND tỉnh phê duyệt trước tháng 10 hàng năm để triển khai thực hiện;

4. Đánh giá chung kết quả đạt được và những mặt tồn tại hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định 36/2015/QĐ-UBND.

4.1. Kết quả đạt được:

- Việc triển khai chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trong những năm qua góp phần phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người chăn nuôi, đa phần được người chăn nuôi hưởng ứng. Nội dung hỗ trợ đa dạng, toàn diện từ khâu con giống đến xử lý chất thải chăn nuôi.

- Trong 5 năm triển khai thực hiện Quyết định 36/2015/QĐ-UBND, cơ bản đã giải quyết được vệ sinh môi trường trong chăn nuôi nông hộ, hầu hết lượng nước thải được xử lý, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm trong khu dân cư.

- Về hỗ trợ phối giống nhân tạo: Công tác phối giống cho bò đạt hiệu quả giúp người dân chủ động được công tác lai tạo, từng bước nâng cao chất lượng đàn bò trên địa bàn tỉnh, góp phần tăng tỷ lệ đàn bò lai, nâng cao giá trị sản xuất chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho hộ chăn nuôi phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

- Đối với hỗ trợ mua bò đực giống: Giúp hộ chăn nuôi chủ động cải tạo được con giống, từng bước nâng cao chất lượng đàn bò tại địa phương; góp phần tăng tỷ lệ đàn bò lai, nâng cao giá trị sản xuất chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn tỉnh.

4.2. Hạn chế

- Nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao để hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ chưa đáp ứng nhu cầu đăng ký của một số địa phương nên gặp khó khăn trong việc xét chọn hộ để thực hiện hỗ trợ.

- Công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, mục đích ý nghĩa, của việc thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ ở một số địa phương còn chưa đồng bộ rộng khắp nên một số nơi người chăn nuôi chưa nắm bắt được kịp thời.

- Một số huyện miền núi hầu hết người chăn nuôi là đồng bào dân tộc, điều kiện kinh tế còn hạn chế, thiếu kinh phí đối ứng theo quy định nên nhu cầu hỗ trợ của người chăn nuôi chưa cao.

- Cơ sở sản xuất con giống tại chỗ (gia cầm, lợn) chưa đáp ứng đủ nhu cầu đàn bố mẹ cho sản xuất, người chăn nuôi phải mua ở các tỉnh khác hoặc cơ sở của Trung ương, Doanh nghiệp lớn nên khó khăn khi thực hiện mua với số lượng nhỏ. Thiếu các cơ sở chăn nuôi sản xuất giống trâu, bò, con giống đạt yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu tại Thông tư 09/TT-BNNPTNT;

- Công tác hỗ trợ tinh lợn vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của bệnh và cơ sở cung cấp tinh lợn không nhiệt tình tham gia do thủ tục thanh quyết toán phức tạp.

- Tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 36/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh không có hướng dẫn cụ thể về các nội dung như: chi phí quản lý, chi phí kiểm tra, giám sát... Do vậy khó khăn cho công tác thực hiện kiểm tra, theo dõi quản lý triển khai chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ ở các địa phương.

5. Kiến nghị, đề xuất:

Từ năm 2021 và những năm tiếp theo:

- Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ xây dựng chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2021-2025 tham mưu cho UBND tỉnh khi Trung ương có chỉ đạo kéo dài thực hiện hoặc chính sách mới thay thế Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nâng hạng mức hỗ trợ con giống cho phù hợp với Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông để góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, môi trường và nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi. Cụ thể:

+ *Địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống;*

+ *Ở địa bàn trung du, miền núi, bãi ngang được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống;*

+ *Ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống;*

- Ngoài chính sách hỗ trợ cho chăn nuôi nông hộ cần quan tâm hỗ trợ các tỉnh đầu tư các trại giống để chủ động con giống cung cấp cho người dân.

Trên đây là báo cáo tổng kết 5 năm kết quả thực hiện Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, kính trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Cục Chăn nuôi;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Giám đốc Sở;
- Chi cục CNTY;
- Lưu: VP, CNTY.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương